BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 344 /QĐ-ĐHĐT

*Đồng Tháp, ngày 14 tháng 3 năm 2022*

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc phê duyệt kết quả xét tuyển và công nhận kết quả trúng tuyển viên chức năm 2021 tại Trường Đại học Đồng Tháp

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

*Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSP Đồng Tháp nay là Trường Đại học Đồng Tháp;*

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;*

*Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐT ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp ban hành Quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và nhân viên trong Trường Đại học Đồng Tháp;*

*Căn cứ Thông báo số 323/TB-ĐHĐT ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Trường Đại học Đồng Tháp về kết quả kỳ xét tuyển viên chức năm 2021;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả xét tuyển viên chức năm 2021 của Trường Đại học Đồng Tháp và công nhận kết quả trúng tuyển của 13 ứng viên, gồm các Ông/Bà có tên sau:

*(Có danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Giao Phòng Tổ chức cán bộ tham mưu quyết định tuyển dụng và hồ sơ, thủ tục để ký kết hợp đồng làm việc đối với trường hợp ứng viên tuyển dụng mới và quyết định tiếp nhận công tác đối với trường hợp ứng viên chuyển công tác theo quy định.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các đơn vị liên quan và các Ông/Bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Đảng ủy, HĐT, Lãnh đạo Trường;
- Thành viên Hội đồng tuyển dụng;
- Các Ban giúp việc về chuyên môn;
- Các đơn vị trong Trường;
- Các ứng viên dự tuyển;
- Lưu: VT, TCCB, P.

**HIỆU TRƯỞNG**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

**Hồ Văn Thống**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2021 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

*(Kèm theo Quyết định số: 344 /QĐ-ĐHĐT ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Trường Đại học Đồng Tháp)*

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Vị trí dự tuyển | Trình độ, chuyên môn đào tạo | Diện ưu tiên | Thâm niên công tác (Số năm) | Kết quả điểm xét tuyển | | | | Kết quả xét tuyển | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | Điểm phần phỏng vấn, thực hành NVSP (Quy theo thang điểm 100) | | Điểm ưu tiên | Tổng điểm *(Trung bình cộng điểm phần phỏng vấn, thực hành NVSP + điểm ưu tiên)* | | |
| | | | | | | | | Phỏng vấn | Thực hành Nghiệp vụ Sư phạm | | | | |
| | **A. VIÊN CHỨC GIẢNG DẠY** | | | | | | | | | | | | |
| | **1. Khoa Văn hóa - Du lịch và Công tác xã hội** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Trịnh Văn Tài | 17/05/1992 | Nam | Giảng viên, Khoa Văn hóa - Du lịch và Công tác xã hội | Cử nhân, Việt Nam học | Lễ tân tại khách sạn Cao Lãnh. Từ năm 2020 | 1 | x | 47.43 | x | 47.43 | | |
| 2 | Phạm Minh Tông | 28/11/1990 | Nam | Giảng viên, Khoa Văn hóa - Du lịch và Công tác xã hội | Cử nhân, Việt Nam học | Cộng tác viên: Suối Bang Travel, Sen Travel, River Tour, Thanh Ngân, PUOLO TRIP, World Travel, Happy Life Travel | Không | x | 74.86 | x | 74.86 | | |
| 3 | Lê Văn Vũ | 30/10/1989 | Nam | Giảng viên, Khoa Văn hóa - Du lịch và Công tác xã hội | Thạc sĩ, Du lịch | Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp. Từ năm 2016 | 5 | x | 81.21 | x | 81.21 | | |
| 4 | Trần Chánh Băng | 08/10/1997 | Nữ | Giảng viên, Khoa Văn hóa - Du lịch và Công tác xã hội | Cử nhân, Việt Nam học<br>Thạc sĩ, Ngôn ngữ Việt Nam | | Không | x | 83.07 | x | 83.07 | | |
| | **2. Khoa Kinh tế** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Lê Hữu Lộc | 18/03/1990 | Nam | Giảng viên, Khoa Kinh tế | Thạc sĩ, Tài chính - Ngân hàng | Làm việc tại Trường THPT Nguyễn Thái Bình. Từ 10/2012 | 9 | x | 72.79 | x | 72.79 | | |
| 2 | Phạm Duy Tình | 20/11/1996 | Nam | Giảng viên, Khoa Kinh tế | Thạc sĩ, Tài chính - Ngân hàng | | Không | x | x | x | x | | |
| 3 | Nguyễn Thị Huyền Trang | 10/09/1994 | Nữ | Giảng viên, Khoa Kinh tế | Cử nhân, Kế toán | Làm Kế toán viên tại cửa hàng thiết kế và thi công Đá hoa cương Hưng Phát (TP. HCM). Từ năm 2017 | 4 | x | x | x | x | | |
| 4 | Thái Thị Bích Tuyền | 11/07/1999 | Nữ | Giảng viên, Khoa Kinh tế | Cử nhân, Kế toán | Làm việc tại Ngân hàng PVCombank chi nhánh Đồng Tháp. Từ ngày 01/08/2021 | 0.3 | x | x | x | x | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Vị trí dự tuyển | Trình độ, chuyên môn đào tạo | Diện ưu tiên | Thâm niên công tác (Số năm) | Kết quả điểm xét tuyển | | | | Kết quả xét tuyển | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | Điểm phần phỏng vấn, thực hành NVSP (Quy theo thang điểm 100) | | Điểm ưu tiên | Tổng điểm *(Trung bình cộng điểm phần phỏng vấn, thực hành NVSP + điểm ưu tiên)* | | |
| | | | | | | | | Phỏng vấn | Thực hành Nghiệp vụ Sư phạm | | | | |
| | **3. Khoa Nông nghiệp và Tài nguyên môi trường** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Võ Duy Hoàng | 04/11/1989 | Nam | Giảng viên, Khoa NN và TNMT | Thạc sĩ, Bảo vệ thực vật | Công ty phân bón Việt Nga. Từ 2019-2021 | 1 | x | 81.29 | x | 81.29 | | |
| 2 | Huỳnh Văn Quốc | 07/09/1985 | Nam | Giảng viên, Khoa NN và TNMT | Tiến sĩ, Khoa học đất | Phó Chủ tịch UBND Phường 1, TP Trà Vinh. Từ năm 2017 | 5 | x | 74.86 | x | 74.86 | | |
| 3 | Nguyễn Thị Pha Ly | 02/09/1986 | Nữ | Giảng viên, Khoa NN và TNMT | Thạc sĩ, Công nghệ sinh học | Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Y tế Domesco. Từ năm 2012 | 9 | x | 80.36 | x | 80.36 | | |
| 4 | Đào Uyên Trân Đa | 07/03/1990 | Nữ | Giảng viên, Khoa NN và TNMT | Thạc sĩ, Bảo vệ thực vật | Viện nghiên cứu Công nghệ sinh học và Môi trường - ĐH Nông Lâm TP. HCM. Từ 01/11/2012 | 9 | x | 78.43 | x | 78.43 | | |
| 5 | Tăng Thị Thanh Hương | 17/12/1988 | Nữ | Giảng viên, Khoa NN và TNMT | Thạc sĩ, Bảo vệ thực vật | | Không | x | 77.57 | x | 77.57 | | |
| | **4. Khoa Sư phạm Nghệ thuật** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Trà Ngọc Đức | 30/04/1986 | Nam | Giảng viên, Khoa SP Nghệ thuật | Thạc sĩ, Lý luận và Phương pháp dạy học âm nhạc | Giảng dạy tại Trường CĐSP Kiên Giang Từ 08/2012 | 10 | x | 81.14 | x | 81.14 | | |
| | **5. Khoa Ngoại ngữ** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Trần Duy Hoài | 20/03/1990 | Nữ | Giảng viên, Khoa Ngoại ngữ | Thạc sĩ, LL và PPDH bộ môn Tiếng Anh | | Không | x | 72.60 | x | 72.60 | | |
| 2 | Hồng Diễm Thúy | 05/02/1995 | Nữ | Giảng viên, Khoa Ngoại ngữ | Thạc sĩ, LL và PPDH bộ môn Tiếng Anh | Giảng dạy tại Phân hiệu Trường ĐH FPT tại TP Cần Thơ Từ 10/2021 | Không | x | 80.80 | x | 80.80 | | |
| 3 | Võ Thị Anh Thư | 07/10/1986 | Nữ | Giảng viên, Khoa Ngoại ngữ | Thạc sĩ, LL và PPDH bộ môn Tiếng Anh | Giảng dạy Trường CĐCĐ Đồng Tháp. Từ 01/09/2008 | 11 | x | 80.30 | x | 80.30 | | |
| | **6. Trường Thực hành Sư phạm Mầm non Hoa Hồng** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Hồ Thị Cẩm Diệu | 13/11/1995 | Nữ | Giáo viên mầm non, Trường THSP Mầm non Hoa Hồng | Cử nhân, Giáo dục Mầm non | Trường Mầm non - Tiểu học Tư thục Bán trú Ngôi sao. Từ 29/01/2018 | 3 | x | 69.71 | x | 69.71 | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Vị trí dự tuyển | Trình độ, chuyên môn đào tạo | Diện ưu tiên | Thâm niên công tác (Số năm) | Kết quả điểm xét tuyển | | | | Kết quả xét tuyển | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | Điểm phần phỏng vấn, thực hành NVSP (Quy theo thang điểm 100) | | Điểm ưu tiên | Tổng điểm *(Trung bình cộng điểm phần phỏng vấn, thực hành NVSP + điểm ưu tiên)* | | |
| | | | | | | | | Phỏng vấn | Thực hành Nghiệp vụ Sư phạm | | | | |
| 2 | Nguyễn Thảo Nhi | 04/10/1996 | Nữ | Giáo viên mầm non, Trường THSP Mầm non Hoa Hồng | Cử nhân, Giáo dục Mầm non | | Không | x | 83.36 | x | 83.36 | | |
| 3 | Nguyễn Thị Huệ Mẫn | 15/06/1999 | Nữ | Giáo viên mầm non, Trường THSP Mầm non Hoa Hồng | Cử nhân, Giáo dục Mầm non | | Không | x | 74.57 | x | 74.57 | | |
| 4 | Nguyễn Thị Cẩm Tiên | 03/07/1999 | Nữ | Giáo viên mầm non, Trường THSP Mầm non Hoa Hồng | Cử nhân, Giáo dục Mầm non | | Không | x | 70.14 | x | 70.14 | | |
| 5 | Hà Tô Quyên | 18/09/1987 | Nữ | Giáo viên mầm non, Trường THSP Mầm non Hoa Hồng | Cử nhân, Giáo dục Mầm non | Từ 2011 - 2013: Trường Mẫu Giáo An Hiệp, Châu Thành, Đồng Tháp<br>Từ 2013 - 2018: Trường Mầm non Tịnh Thới, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp<br>Từ năm 2019 đến nay Nhóm trẻ Tư thục | 10 | x | x | x | x | | |
| | B. VIÊN CHỨC HÀNH CHÍNH | | | | | | | | | | | | |
| | 1. Phòng Công tác sinh viên | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Văn Hiếu | 05/06/1997 | Nam | Chuyên viên, Phòng Công tác sinh viên | Cử nhân, Quản lý giáo dục | | Không | 87.40 | x | x | 87.40 | | |
| 2 | Trần Bình Nguyên | 15/04/1997 | Nam | Chuyên viên, Phòng Công tác sinh viên | Cử nhân, SP Địa lý | | Không | 75.80 | x | x | 75.80 | | |
| 3 | Huỳnh Thị Anh Thư | 27/08/1997 | Nữ | Chuyên viên, Phòng Công tác sinh viên | Cử nhân, Giáo dục Mầm non | Giáo viên Trường Mầm non Phong Mỹ huyện Cao Lãnh. Từ 01/07/2020 | 1 | 76.80 | x | x | 76.80 | | |
| 4 | Phạm Minh Trí | 21/11/1997 | Nam | Chuyên viên, Phòng Công tác sinh viên | Cử nhân, SP Tiếng Anh | Giáo viên hợp đồng tại Trung tâm Ngoại ngữ Bông Sen, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp. Từ 01/05/2019 | 2 | 84.20 | x | x | 84.20 | | |
| 5 | Phạm Nhựt Khoa | 01/06/1998 | Nam | Chuyên viên, Phòng Công tác sinh viên | Cử nhân, SP Toán học | Giải nhất: Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Trường năm học 2019 - 2020 | Không | 88.70 | x | x | 88.70 | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Vị trí dự tuyển | Trình độ, chuyên môn đào tạo | Diện ưu tiên | Thâm niên công tác (Số năm) | Kết quả điểm xét tuyển | | | | Kết quả xét tuyển | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | Điểm phần phỏng vấn, thực hành NVSP (Quy theo thang điểm 100) | | Điểm ưu tiên | Tổng điểm *(Trung bình cộng điểm phần phỏng vấn, thực hành NVSP + điểm ưu tiên)* | | |
| | | | | | | | | Phỏng vấn | Thực hành Nghiệp vụ Sư phạm | | | | |
| | **2. Phòng Thanh tra - Pháp chế** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Văn Phước Tiến | 23/12/1986 | Nam | Chuyên viên, Phòng Thanh tra - Pháp chế | Cử nhân, Luật | Quân nhân xuất ngũ Số: 02/2011/QĐ-XN | Không | 73.00 | x | 2.5 | 75.50 | | |
| 2 | Bùi Thị Bé Ngà | 29/07/1999 | Nữ | Chuyên viên, Phòng Thanh tra - Pháp chế | Cử nhân, Luật | | Không | 74.60 | x | x | 74.60 | | |
| 3 | Võ Thị Trúc Ly | 20/07/1996 | Nữ | Chuyên viên, Phòng Thanh tra - Pháp chế | Cử nhân, Luật | | Không | 85.10 | x | x | 85.10 | | |
| 4 | Trần Ngọc Quỳnh Hương | 09/05/1996 | Nữ | Chuyên viên, Phòng Thanh tra - Pháp chế | Cử nhân, Luật | Làm việc tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp Từ 01/02/2019 | 2 | 86.50 | x | x | 86.50 | | |
| | **3. Phòng Công tác Đảng - Đoàn thể** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Thạch Hải Duy | 12/09/1999 | Nam | Chuyên viên, Phòng Công tác Đảng - Đoàn thể | Cử nhân, SP Ngữ văn | Dân tộc Khmer | Không | x | x | x | x | | |
| 2 | Nguyễn Thị Lệ Thắm | 04/03/1991 | Nữ | Chuyên viên, Phòng Công tác Đảng - Đoàn thể | Cử nhân, SP Lịch sử Thạc sĩ, Chính trị học | | Không | x | x | x | x | | |
| 3 | Nguyễn Thị Lệ Thanh | 02/07/1990 | Nữ | Chuyên viên, Phòng Công tác Đảng - Đoàn thể | Cử nhân, Ngữ văn | | Không | 84.40 | x | x | 84.40 | | |
| 4 | Huỳnh Thanh Thương | 23/09/1996 | Nam | Chuyên viên, Phòng Công tác Đảng - Đoàn thể | Cử nhân, Công tác xã hội | - Phó Bí thư Trường Đại học Đồng Tháp<br>- Thành viên Hội Đồng Trường, Trường ĐH Đồng Tháp | Không | 87.20 | x | x | 87.20 | | |
| | **4. Phòng Hành chính - Tổng hợp** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Huỳnh Thanh Dũng | 23/04/1995 | Nam | Chuyên viên, Phòng Hành chính - Tổng hợp | Cử nhân, Công tác xã hội | Đề tài NCKH: Công tác xã hội hoạt động phòng ngừa hành vi vi phạm pháp luật của trẻ vị thành niên ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Không | 88.10 | x | x | 88.10 | | |
| 2 | Đặng Thị Bích Phương | 23/07/1989 | Nữ | Chuyên viên, Phòng Hành chính - Tổng hợp | Thạc sĩ, Văn học Việt Nam Cử nhân, SP Ngữ văn | Giáo viên Trường THPT TP Sa Đéc Từ 01/11/2019 | 2 | 82 70 | x | x | 82 70 | | |
| 3 | Nguyễn Thị Tuyết Nữ | 01/05/1994 | Nữ | Chuyên viên, Phòng Hành chính - Tổng hợp | Cử nhân, SP Ngữ văn | | Không | 80 00 | x | x | 80 00 | | |

*Danh sách này có tổng cộng 38 (Ba mươi tám) ứng viên.*

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ỨNG VIÊN TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2021 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

*(Kèm theo Quyết định số: 344/QĐ-ĐHĐT ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Trường Đại học Đồng Tháp)*

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Vị trí dự tuyển | Trình độ, chuyên môn đào tạo | Diện ưu tiên | Thâm niên công tác (Số năm) | Kết quả điểm xét tuyển | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | Điểm phần phỏng vấn, thực hành NVSP (Quy theo thang điểm 100) | | Điểm ưu tiên | Tổng điểm *(Trung bình cộng điểm phần phỏng vấn, thực hành NVSP + điểm ưu tiên)* | Kết quả xét tuyển | |
| | | | | | | | | Phỏng vấn | Thực hành Nghiệp vụ Sư phạm | | | | |
| | **A. VIÊN CHỨC GIẢNG DẠY** | | | | | | | | | | | | |
| | **1. Khoa Văn hóa - Du lịch và Công tác xã hội** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Lê Văn Vũ | 30/10/1989 | Nam | Giảng viên, Khoa Văn hóa - Du lịch và Công tác xã hội | Thạc sĩ, Du lịch | Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp. Từ năm 2016 | 5 | x | 81.21 | x | 81.21 | Trúng tuyển | |
| 2 | Trần Chánh Băng | 08/10/1997 | Nữ | Giảng viên, Khoa Văn hóa - Du lịch và Công tác xã hội | Cử nhân, Việt Nam học<br>Thạc sĩ, Ngôn ngữ Việt Nam | | Không | x | 83.07 | x | 83.07 | Trúng tuyển | |
| | **2. Khoa Kinh tế** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Lê Hữu Lộc | 18/03/1990 | Nam | Giảng viên, Khoa Kinh tế | Thạc sĩ, Tài chính - Ngân hàng | Làm việc tại Trường THPT Nguyễn Thái Bình. Từ 10/2012 | 9 | x | 72.79 | x | 72.79 | Trúng tuyển | |
| | **3. Khoa Nông nghiệp và Tài nguyên môi trường** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Võ Duy Hoàng | 04/11/1989 | Nam | Giảng viên, Khoa NN và TNMT | Thạc sĩ, Bảo vệ thực vật | Công ty phân bón Việt Nga. Từ 2019-2021 | 1 | x | 81.29 | x | 81.29 | Trúng tuyển | |
| 2 | Nguyễn Thị Pha Ly | 02/09/1986 | Nữ | Giảng viên, Khoa NN và TNMT | Thạc sĩ, Công nghệ sinh học | Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Y tế Domesco. Từ năm 2012 | 9 | x | 80.36 | x | 80.36 | Trúng tuyển | |
| | **4. Khoa Sư phạm Nghệ thuật** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Trà Ngọc Đức | 30/04/1986 | Nam | Giảng viên, Khoa SP Nghệ thuật | Thạc sĩ, Lý luận và Phương pháp dạy học âm nhạc | Giảng dạy tại Trường CĐSP Kiên Giang. Từ 08/2012 | 10 | x | 81.14 | x | 81.14 | Trúng tuyển | |
| | **5. Khoa Ngoại ngữ** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Hồng Diễm Thúy | 05/02/1995 | Nữ | Giảng viên, Khoa Ngoại ngữ | Thạc sĩ, LL và PPDH bộ môn Tiếng Anh | Giảng dạy tại Phân hiệu Trường ĐH FPT tại TP Cần Thơ. Từ 10/2021 | Không | x | 80.80 | x | 80.80 | Trúng tuyển | |
| 2 | Võ Thị Anh Thư | 07/10/1986 | Nữ | Giảng viên, Khoa Ngoại ngữ | Thạc sĩ, LL và PPDH bộ môn Tiếng Anh | Giảng dạy Trường CĐCĐ Đồng Tháp. Từ 01/09/2008 | 11 | x | 80.30 | x | 80.30 | Trúng tuyển | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Vị trí dự tuyển | Trình độ, chuyên môn đào tạo | Diện ưu tiên | Thâm niên công tác (Số năm) | Kết quả điểm xét tuyển | | | | Kết quả xét tuyển | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | Điểm phần phỏng vấn, thực hành NVSP (Quy theo thang điểm 100) | | Điểm ưu tiên | Tổng điểm *(Trung bình cộng điểm phần phỏng vấn, thực hành NVSP + điểm ưu tiên)* | | |
| | | | | | | | | Phỏng vấn | Thực hành Nghiệp vụ Sư phạm | | | | |
| | **6. Trường Thực hành Sư phạm Mầm non Hoa Hồng** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thảo Nhi | 04/10/1996 | Nữ | Giáo viên mầm non, Trường THSP Mầm non Hoa Hồng | Cử nhân, Giáo dục Mầm non | | Không | x | 83.36 | x | 83.36 | Trúng tuyển | |
| | **B. VIÊN CHỨC HÀNH CHÍNH** | | | | | | | | | | | | |
| | **1. Phòng Công tác sinh viên** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Phạm Nhựt Khoa | 01/06/1998 | Nam | Chuyên viên, Phòng Công tác sinh viên | Cử nhân, SP Toán học | Giải nhất Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Trường năm học 2019 - 2020 | Không | 88.70 | x | x | 88.70 | Trúng tuyển | |
| | **2. Phòng Thanh tra - Pháp chế** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Trần Ngọc Quỳnh Hương | 09/05/1996 | Nữ | Chuyên viên, Phòng Thanh tra - Pháp chế | Cử nhân, Luật | Làm việc tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Từ 01/02/2019 | 2 | 86.50 | x | x | 86.50 | Trúng tuyển | |
| | **3. Phòng Công tác Đảng - Đoàn thể** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Huỳnh Thanh Thương | 23/09/1996 | Nam | Chuyên viên, Phòng Công tác Đảng - Đoàn thể | Cử nhân, Công tác xã hội | - Phó Bí thư Trường Đại học Đồng Tháp<br>- Thành viên Hội Đồng Trường, Trường ĐH Đồng Tháp | Không | 87.20 | x | x | 87.20 | Trúng tuyển | |
| | **4. Phòng Hành chính - Tổng hợp** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Huỳnh Thanh Dũng | 23/04/1995 | Nam | Chuyên viên, Phòng Hành chính - Tổng hợp | Cử nhân, Công tác xã hội | Đề tài NCKH: Công tác xã hội hoạt động phòng ngừa hành vi vi phạm pháp luật của trẻ vị thành niên ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Không | 88.10 | x | x | 88.10 | Trúng tuyển | |

*Danh sách này có tổng cộng 13 (Mười ba) ứng viên trúng tuyển*